

Alex’s Training

Training của Alex

CAM13

English	Vi	Both	Vietise
---------	----	------	---------



Like

Share

Be the first of your friends to like this.

Martha: Hi Alex. It's Martha Clines here. James White, gave me your number. I hope you don't mind me calling you.

Chào Alex, tôi là Martha Clines. James White đã cho mình số điện thoại của bạn. Hi vọng mình không làm phiền bạn khi gọi cho bạn thế này

Dịch bởi Minh Anh

Edit bởi Trang Farm, Trang Trần



Martha: Hi Alex. It's Martha Clines here. James White, gave me your number. I hope you don't mind me calling you.

Chào Alex, tôi là Martha Clines. James White đã cho mình số điện thoại của bạn. Hi vọng mình không làm phiền bạn khi gọi cho bạn thế này

Alex: Of course not. How are you, Martha?

Không sao đâu. Bạn khỏe chứ Martha?

Martha: Good thanks. I'm ringing because I need a bit of advice.

Cảm ơn bạn, mình vẫn khỏe. Thật ra mình gọi cho bạn vì mình đang cần lời khuyên của bạn

Alex: Oh, yeah. What about?

Ồ, về việc gì thế?

Martha: The training you did at JPNW a few years ago. I'm applying for the same thing.

À, về kỳ thực tập ở JPNM mà bạn đã tham gia một vài năm trước. Mình cũng đang ứng tuyển vào vị trí đó

Alex: Oh,right Yes. I did mine in 2014. Best thing I ever did. I'm still working there.

Ồ, mình từng tham gia vào năm 2014. Đây là một trong những điều tuyệt vời nhất mà mình trải qua. Hiện tại mình vẫn đang làm việc ở đấy

Martha: Really? What are you doing?

Ồi thật sao? Bạn làm gì ở đó vậy?

Alex: Well, now I work in the customer services department but I did my initial training in Finance. I stayed there for the first two years and then moved to where I am now.

Ừ, giờ bạn làm việc ở bộ phận dịch vụ khách hàng nhưng ban đầu bạn được đào tạo về tài chính. Bạn ở đó trong hai năm đầu tiên và sau đó chuyển đến nơi bạn đang làm việc bây giờ.

Martha: That's the same department I'm applying for. Did you enjoy it?

Ồ, đây là bộ phận mình đang định ứng tuyển vào. Bạn có thích làm việc ở đây không vậy?

Alex: I was pretty nervous to begin with. I didn't do well in my exams at school and I was really worried because I failed Maths. But it didn't actually matter because I did lots of courses on the job.

Thật ra thời gian đầu mình khá lo lắng/ căng thẳng. Lúc còn đi học, mình làm không được tốt lắm trong các kỳ kiểm tra, và bởi vì mình đã từng bị trượt môn toán nên mình thực sự lo lắng. Tuy nhiên trên thực tế việc đấy không ảnh hưởng gì cả vì mình đã được học rất **nhều** trong quá trình làm việc

Martha: Did you get a diploma at the end of your trainee period? I'm hoping to do the one in business skills.

Thế bạn có nhận được chứng chỉ/ bằng khen sau khi hoàn thành kỳ thực tập của mình không? Mình hi vọng sẽ nhận được một chứng chỉ cho kỹ năng kinh doanh.

Alex: Yes. That sounds good I took the one on IT skills but I wish I'd done that one instead.

Ồ, nghe có vẻ tốt đấy. Mình nhận được chứng chỉ về IT, nhưng mình ước mình có thể nhận được chứng chỉ về kỹ năng kinh doanh.

Martha: OK, that's good to know. What about the other **trainees**? How did you get on with them?

Vâng, đó là một tin tốt. Còn các **thực tập sinh** khác thì sao? Làm thế nào để có thể hòa đồng/bắt kịp họ?

Alex: There were about 20 of us who started at the same time and we were all around the same age - I was 18 and there was only one person younger than me who was 17. The rest were between 18 and 20. I made some good friends.

Có khoảng 20 **thực tập sinh** với độ tuổi bằng nhau, mình 18 tuổi và chỉ có một bạn nhỏ tuổi hơn mình – 17 tuổi. Những người còn lại tầm 18 -20 tuổi. Mình và một vài bạn khác đã trở thành bạn tốt của nhau

Martha: I've heard lots of good things about the training at JPNW. It seems like there are a lot of opportunities there.

Mình đã được nghe **nhều** đánh giá tốt về khóa thực tập tại JPNW. Có vẻ như có rất **nhều** cơ hội ở đó

Alex: Yeah, definitely. Because of its size you can work **in loads of** different areas within the organisation.

Đúng rồi. Bởi vì quy mô của công ty, bạn có thể làm việc/tiếp xúc với **nhều** các lĩnh vực khác nhau trong tổ chức.

Martha: What about pay? I know you get a lower minimum **wage** than regular employees.

Thế còn về đãi ngộ thì sao? Mình biết là bạn chỉ được nhận một khoản **lương** khá thấp so với các nhân viên khác

Alex: That's right - which isn't great. But you get the same number of days holiday as everyone else. And the pay goes up massively if they offer you a job at the end of the training period.

Đúng rồi. Nhưng bạn vẫn được hưởng số ngày nghỉ phép như các nhân viên khác. Và **lương** của bạn sẽ được tăng một khoản khá cao nếu sau kỳ thực tập, bạn nhận được lời mời ở lại làm việc tại công ty

Martha: Yeah, but I'm not doing it for the money - it's the experience I think will be really useful. Everyone says by the end of the year you gain so much **confidence**.

Thực tế mình ứng tuyển vào chương trình này vì kinh nghiệm/ kiến thức mà mình nghĩ rằng khá hữu ích, chứ không phải vì tiền. Mọi người đều nói rằng, sau một năm làm việc mình sẽ **tự tin** hơn rất **nhều**.

Alex: You're right. That's the most useful part about it. There's a lot of variety too. You're given lots of different things to do. I enjoyed it all - I didn't even mind the studying.

Đúng rồi. Đây chính là phần hữu ích nhất của chương trình thực tập này. Ngoài ra còn **nhều** điều thú vị khác nữa. Bạn sẽ được giao **nhều** công việc khác nhau. Mình đã rất thích thú với tất cả công việc được giao.

Martha: Do you have to spend any time in college?

Bạn có dành thời gian cho việc học ở trường đại học không?

Alex: Yes, one day each month. So you get lots of support from both your tutor and your manager.

Có chứ, mỗi tháng một ngày. Như vậy bạn sẽ nhận được rất **nhều** sự hỗ trợ từ cả trợ giảng lẫn quản lý của bạn.

Martha: That's good. And the company is easy to get to, isn't it?

Thế thì tốt quá. Và di chuyển từ công ty đến trường học cũng khá tiện/thuận lợi đúng không?

Alex: Yes, it's very close to the train station so the location's a real advantage.

Đúng rồi, nó rất gần trạm tàu điện ngầm, vì vậy vị trí của công ty thực sự rất thuận lợi/tiện.

Alex: Have you got a date for your interview yet?

Hôm nào bạn phỏng vấn vậy?

Martha: Yes. it's on the 23rd of this month.

Alex: So long as you're well prepared there's nothing to worry about. Everyone's very friendly.

Không cần lo lắng đâu, vì bạn sẽ có đủ thời gian để chuẩn bị tốt mà. Mọi người đều rất thân thiện.

Martha: I am not sure what I should wear. What do you think?

Mình đang phân vân về việc sẽ mặc gì hôm đấy. Bạn có thể cho mình lời khuyên được không?

Alex: Nothing too casual - like jeans, for example- If you've got a nice jacket, wear that with a skirt or trousers.

Đừng mặc cái gì quá bình thường ví dụ như quần bò – Nếu bạn có áo vest thì thử mặc nó với chân váy hoặc quần âu nhé.

MARTHA: OK Thanks. Any other tips?

Ok, cảm ơn bạn. Bạn còn lời khuyên nào nữa không?

Alex: Erm, well I know it's really obvious but arrive in plenty of time. They hate people who are late. So make sure you know exactly where you have to get to. And one other useful piece of advice my manager told me before I had the interview for this job - is to smile. Even if you feel terrified. It makes people respond better to you.

Umm, mình biết điều này khá rõ ràng nhưng nhớ đến sớm nhé. Họ không thích những người đến muộn đâu. Do vậy hãy chắc chắn rằng bạn biết chính xác nơi cần đến là đâu. Và một lời khuyên khá hữu ích mà quản lý đã nói với mình trước khi mình tiến hành phỏng vấn cho vị trí này, đó là hãy mỉm cười. Thậm chí bạn cảm thấy sợ hãi. Việc này giúp mọi người có thiện cảm hơn với bạn.

Martha: I'll have to practise doing that in the mirror!

Ok, mình sẽ tập luyện việc này trước gương

ALEX: Yeah - well, good luck. Let me know if you need any more information.

Yeah, chúc bạn may mắn nhé. Nếu cần thêm thông tin gì thì cứ bảo mình nhé

Martha: Thanks very much.

Cảm ơn bạn **nhiều**.

Like

Share

Be the first of your friends to like this.

Từ vựng trong bài

- wage: lương
- trainees: thực tập sinh
- confidence: tự tin
- in loads of: nhiều

Trắc nghiệm từ vựng

Luyện nghe

Dịch bởi Minh Anh

Edit bởi Trang Farm, Trang Trần

